

# TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

## Tập 3

*Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không*

*Thời gian: Ngày 07 tháng 04 năm 2010*

*Địa điểm: Hiệp hội giáo dục Phật-đà Hồng Kông*

*Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu*

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi! Mời xem Đại Kinh Giải, trang thứ nhất, hàng thứ hai từ dưới lên.

Chúng ta xem từ đoạn: “*Nhưng trong ấy, kinh Vô Lượng Thọ chính là kinh quan trọng hàng đầu trong các kinh Tịnh độ, các bậc đại đức trong Tịnh tông thường gọi kinh này là kinh đệ nhất của Tịnh độ*”. Trong phần trước, tôi đã nói câu này với quý vị, đây là lòng từ bi vô tận, trí tuệ chân thật của lão cư sĩ, vừa mở đầu, trong đoạn ngắn thứ nhất này, ngài đã giới thiệu bộ kinh điển hiếm có này cho chúng ta. Trong đời này, chúng ta may mắn có thể nghe thấy, có thể đọc đến, có thể y giáo phụng hành, chúng ta có thể nói như thế này, giống như câu của ngài Bành Tế Thanh nói: “*Một ngày hiếm có khó gặp trong vô lượng kiếp qua*”, nguyên văn câu nói của ngài là như thế, một ngày này quá khó được! Nói “*một ngày*” hay, chúng ta có thể nắm chắc ngày ấy, thì ngày ấy không những vĩnh viễn thoát ly luân hồi lục đạo, mà thừa quý vị, còn là vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới. Thoát ly lục đạo luân hồi, nhưng chưa thoát ly được mười pháp giới, vì thoát ly mười pháp giới tương đối khó khăn; sau khi có được pháp môn này thì sẽ thoát ly mười pháp giới. Ở đây nói là “*kinh quan trọng hàng đầu trong các kinh Tịnh độ*”, theo tôi thấy không chỉ là Tịnh độ, mà còn là quan trọng hàng đầu trong các kinh của Đại tạng kinh. Quý vị đều biết, Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh là kinh quan trọng hàng đầu của bộ Bát-nhã, không dài, 260 chữ. Đức Phật nói kinh Đại Bát-nhã suốt 22 năm, 22 năm ngài giảng những gì? Chính là Tâm Kinh, triển khai ra chính là 600 quyển của bộ Đại Bát-nhã, quy nạp lại thì thành 260 chữ này, không tăng không giảm. Thế nhưng Tịnh độ tông cũng có Tâm Kinh, Tâm Kinh là gì vậy? Kinh cuối cùng trong Tịnh độ ngũ kinh, đây là do đại sư Ấn Quang chọn ra, để vào sau Tịnh độ tứ kinh, trở thành Tịnh độ ngũ kinh. Tôi nhìn thấy quyết định này thì kinh ngạc vô cùng, thật sự rất tuyệt, đó chính là chương Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông trong kinh Lăng-nghiêm. Kinh văn của chương này là bao nhiêu? Còn ít hơn

Bát-nhã Tâm Kinh, 244 chữ, Bát-nhã Tâm Kinh có 260 chữ, chương này có 244 chữ, là Tâm Kinh của Tịnh tông. Tịnh tông là phần quan trọng hàng đầu trong giáo pháp của cả Đại tạng kinh. Nói cách khác, chương Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông có thể nhiếp trọn hết thủy kinh giáo và vô lượng pháp môn mà mười phương ba đời hết thủy Như Lai đã nói, đây là thật, không phải giả. Chương Viên Thông nói với chúng ta: “Không nhờ phương tiện, tâm tự khai ngộ”, “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”, bèn thành công, bèn viên mãn. Đây là chỗ không thể nghĩ bàn trong Phật pháp, trong đời này chúng ta gặp được, may mắn không gì bằng, phải nắm chắc lấy, nếu không nắm chắc thì quá đáng tiếc! Bạn luân hồi trong lục đạo, đến ngày nào mới có thể gặp được thứ này?

Chúng ta lại xem tiếp: “*Còn như Phật Thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh là do tiên sư lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập từ năm bản dịch gốc của kinh Vô Lượng Thọ trong các thời Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống, ngài chọn lựa rộng rãi chỗ tinh yếu, thu tóm viên mãn mọi điều tuyệt diệu, hội tập thành bản kinh này, nay được suy tôn là bản hoàn thiện nhất của kinh Vô Lượng Thọ*”. Chuyện này không dễ dàng. Thầy của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là ngài Hạ Liên Cư, Hoàng lão sinh trưởng trong gia đình tin Phật pháp, cậu của Hoàng lão là cư sĩ Mai Quang Hy. Trong thời đại ấy, Phật môn có câu “Nam Mai, Bắc Hạ”, nghĩa là trong giới tại gia học Phật, người bậc nhất phía Nam là Mai Quang Hy, người bậc nhất phía Bắc là Hạ Liên Cư, câu “Nam Mai, Bắc Hạ” là chỉ cho hai vị đại đức này. Hai vị này là đồng sự nhiều năm, là đồng tham đạo hữu, quan hệ vô cùng thân thiết. Ngài Hoàng Niệm Tổ là cháu được gửi sang bên Hạ lão, theo Hạ lão học Phật, theo học hơn 20 năm, trở thành truyền nhân, đệ tử truyền pháp của Hạ lão, trong Phật môn chúng ta gọi là pháp tử. Bộ kinh này là do lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập, dựa trên năm bản dịch gốc trong các thời Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống, được bảo tồn trong Đại tạng kinh hiện nay. Nói về triều đại, Ngụy là nhà Tào Ngụy thời Tam Quốc, triều Ngô cũng thuộc thời Tam Quốc, Ngụy và Ngô đều thuộc thời đại Tam Quốc, cùng với Đường và Tống, tổng cộng là năm bản dịch, sự phiên dịch này sẽ được nói trong phần sau. Với kỹ thuật in ấn phát triển như hiện nay thì việc tìm năm bản dịch gốc chẳng có khó khăn gì. Đừng nói chi thời xưa, thời tôi học Phật, tức 60 năm trước. Vào 60 năm trước, việc in ấn vẫn là dùng bản xếp chữ đúc chì, kể như đã tiến bộ lắm rồi, nhưng vẫn không sánh bằng cách chụp hình như hiện thời, hết sức thuận tiện. Vào thời ấy, thư tịch cũng chẳng dễ gì tìm được, rất khó tìm được năm bản dịch này. Bản thường thấy nhất là bản

dịch thời Ngô, tức bản của ngài Khang Tăng Khải, kinh Vô Lượng Thọ chỉ có bản này lưu thông bên ngoài nên có thể đọc được, bốn bản kia rất ít lưu truyền. Chúng ta rất khó đọc được cả năm bản dịch gốc, trừ khi tìm trong Đại tạng kinh, chứ không có bản lưu thông riêng. Theo như cổ đại đức nói với chúng ta, năm bản dịch có nội dung sai khác rất lớn, có những điều bản dịch này nói tới, nhưng bản dịch kia không có. Do vậy, cổ đại đức đã căn cứ trên chân tướng sự thật này mà phán đoán, có lẽ năm xưa khi Thế Tôn còn tại thế đã nhiều lần tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, nên mới có tình hình này. Nếu chỉ tuyên giảng một lần, người phiên dịch dẫn nhiều đến đâu thì nội dung cũng là giống nhiều mà khác ít, không thể có sai biệt quá lớn. Cách suy đoán này rất hợp logic, chúng tôi cho rằng chính xác. Nhiều lần tuyên giảng, cho thấy rõ pháp môn này trọng yếu. Thật vậy, đặc biệt là trong thời kỳ mật pháp, hết thảy chúng sanh có thể đắc độ trong một đời, có thể nói chính là pháp môn này. Chúng ta có thể nói rằng, từ ngài Hoàng Niệm Tổ về sau, Hoàng lão là niệm Phật vãng sanh, lúc ngài bệnh nặng đã nhờ bạn bè nói cho tôi biết, mỗi ngày ngài niệm Phật 140.000 câu, niệm Phật mà ra đi; ngài là Kim Cang Thượng Sư của Mật tông, nhưng ngài không tu Mật pháp, ngài là niệm Phật mà ra đi. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng là Hiển Mật viên dung, cuối cùng vãng sanh cũng là niệm Phật mà ra đi. Những vị này đều là biểu diễn cho chúng ta xem.

Hai câu phía sau gồm tám chữ, đã giới thiệu đơn giản ưu điểm của bản hội tập này. “Chọn lựa rộng rãi chỗ tinh yếu”, nghĩa là toàn bộ những tinh hoa và phần khai thị quan trọng nhất trong năm bản dịch gốc đều ở trong bản hội tập này. Do vậy chúng ta có thể nói, bản hội tập này là bản tổng hợp hoàn thiện của năm bản dịch gốc, Hạ lão đã thực hiện công tác này vì chúng ta. “Thâu tóm viên mãn mọi điều tuyệt diệu”, “viên mãn” là đầy đủ vẹn toàn, lý - sự tinh diệu nhất trong năm bản dịch gốc đều được gom vào trong bộ kinh này. “Nay được suy tôn là bản hoàn thiện nhất của kinh Vô Lượng Thọ”, ai suy tôn vậy? Lão cư sĩ Hạ Liên Cư rất khiêm tốn, đương nhiên ngài ngại nên chẳng tự nói. Xác thực là hay hơn so với ba bản hội tập trong quá khứ, cả ba bản hội tập ấy đều có tì vết, còn bản này chẳng tìm được một khuyết điểm nào, việc này khó được. Người suy tôn đầu tiên là lão pháp sư Huệ Minh, tức là vị thầy quy y cho ngài Hạ Liên Cư, đây là một vị xuất gia, cũng là một vị lão pháp sư thông Tông thông Giáo, Hiển Mật viên dung; trong giới cư sĩ, người đầu tiên suy tôn là đại sĩ Mai Quang Hy. Bản này truyền sang Đài Loan, cũng do một lão cư sĩ từ Sơn Đông mang sang Đài Loan, phía trước bản này có một bài tựa rất dài, các vị thầy có trong bản in hiện nay, bài ấy được đính kèm

phía sau sách. Thầy Lý của chúng tôi vừa nhìn thấy đây là lời tựa do thầy của mình viết, do thầy giới thiệu, bèn hoan hỷ không gì bằng. Khi đó, thầy Lý mới ngoài 60, đại khái khoảng 65 tuổi, nhìn thấy bản này bèn giảng một lần tại Đài Trung. Bản này vừa mới hội tập xong, vừa mới được lưu thông, số ấn bản không nhiều lắm, đại khái chỉ in 3.000 bản, số lượng không nhiều. Sau khi bản này ra đời, đương nhiên chưa có ai viết chú giải, về sau này chỉ nghe nói có pháp sư Từ Châu là một trưởng lão bên Luật tông, ngài là vị đại đức trong Phật môn vào đầu thời Dân Quốc, giảng bản này một lần tại Sơn Đông, lại còn làm khoa phán. Hoàng lão cư sĩ đã photocopy bản khoa phán này tặng cho tôi một quyển, tôi dựa theo bản khoa phán của ngài lại làm một bản khoa phán tỉ mỉ hơn, tôi có bản khoa hội. Bản này được nhiều người tôn sùng như thế. Thầy Lý giảng bộ kinh này, tự viết mi chú, tôi có thể xem hiểu nội dung thầy viết, thầy phân chia kinh thành từng đoạn, nêu đại ý của mỗi đoạn, đó chính là khoa đề, đều được đánh dấu rõ ràng. Vì thế, lần đầu tôi giảng bộ kinh này tại Mỹ là dựa theo mi chú của thầy Lý. Hình như tôi đã giảng qua hai hoặc ba lần, sau đó mới gặp lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, ngài tặng tôi bản chú giải này của ngài. Trong phần trước, tôi đã nói với quý vị, ngài tặng tôi bản in dầu, in giấy sấp, chữ in trong ấy lờ mờ, bản in như vậy đó. Khi đó, Hoàng lão trở về Bắc Kinh, tôi bèn nhờ người thỉnh giáo lão nhân gia xem ngài có giữ bản quyền hay không, nếu ngài giữ bản quyền thì chúng tôi phải tôn trọng ngài, nếu không giữ bản quyền thì tôi chuẩn bị in thành sách, chính thức lưu thông tại Đài Loan. Ngài phúc đáp: “không giữ bản quyền”, lại còn muốn tôi viết lời tựa, muốn tôi ghi tựa đề cho tác phẩm này. Vì thế, chúng tôi in lần đầu 10.000 bộ tại Đài Loan, bản này bèn được lưu thông ở hải ngoại.

Tịnh tông học hội là do Hạ lão đề xướng. Muốn hoằng dương Phật pháp trong xã hội hiện đại thì cần phải chánh danh, gọi là danh không chánh thì ngôn không thuận. Trong quá khứ, vào thời xưa, đạo tràng nhà Phật đều gọi là tự viện am đường, dùng danh xưng này, người hiện nay nhìn thấy danh xưng ấy bèn cho là tôn giáo, cho là mê tín. Do vậy, Hạ lão đề xuất chánh danh, danh không chánh thì ngôn không thuận, rất có đạo lý, tôi nghe xong bèn hoan hỷ, hết sức tán thành. Ngài nói, đạo tràng là nơi đại chúng cùng nhau tu hành nên gọi là “học hội”, Tịnh độ tông thì là Tịnh tông học hội, tông Hoa Nghiêm thì gọi là Hoa Nghiêm học hội, còn có Thiên Thai học hội, dùng chữ học hội. Cơ cấu giáo học thì dùng chữ học viện, như vậy hay! Người ta vừa nhìn, liền biết đây là cơ cấu giáo dục, chẳng đến nỗi dính dáng đến mê tín, đề nghị này hết sức hay. Nhưng sau khi ngài đề ra thì chưa

từng được thiết lập ở trong nước, chưa được chính thức thành lập, vì thế ngài Niệm Tổ dặn dò tôi hãy thành lập ở hải ngoại: “Thầy giảng kinh, hoằng pháp ở các nơi, hy vọng thầy có thể thành lập bộ môn Tịnh tông học hội ở mỗi nơi”. Tịnh tông học hội đầu tiên được thành lập ở Vancouver là Tịnh tông học hội Canada, hiện nay vẫn còn. Thứ hai là Tịnh tông học hội Mỹ Quốc được thành lập tại Sunnyvale, San Jose, California, hiện vẫn còn tồn tại, do cư sĩ Dương Nhất Hoa chủ trì. Sau đó tại Mỹ và Canada, tôi đã thành lập tổng cộng hơn 30 hội, chắc là hiện thời vẫn còn, cũng có nơi chẳng còn nữa, tôi nghĩ có lẽ có mười mấy hội tại Mỹ và Canada. Thành lập nhiều nhất là ở Malaysia, đất nước Malaysia không lớn, nay e rằng có hơn 100 Tịnh tông học hội, gần tới 200 hội, ở nơi ấy có nhiều nhất. Một nơi khác nữa là châu Âu, tại châu Âu, tôi biết được ở những quốc gia chủ yếu hầu như đều có, chẳng hạn như Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha đều có. Tại châu Úc hình như có mười mấy nơi. Trên thực tế, Tịnh tông học hội có tính chất không khác gì liên xã trước đây, chỉ là thay đổi tên gọi. Học hội không có tổ chức, không có quản lý, cho nên công tác nhân sự, kinh tế, hành chính hoàn toàn độc lập. Phạm là ở Tịnh tông học hội, chúng ta đều có tình hữu nghị đồng đạo, đồng môn, quan hệ hữu nghị, khi được mời tham dự các hoạt động quy mô lớn thì chúng tôi đều ủng hộ, trợ giúp lẫn nhau, hợp tác qua lại. Không giống những giáo hội thông thường, họ có tổng hội, phân hội, chúng tôi không có, chúng tôi không có hội nào là tổng hội, hội nào là phân hội, không có, mỗi hội đều lớn như nhau, mỗi nơi đều là số một, không có thứ hai. Năm xưa khi Thế Tôn còn tại thế, dạy học 49 năm, Thích-ca Mâu-ni Phật chẳng lập một tổ chức nào, thậm chí trường học cũng chẳng mở, cũng chẳng có phân ban chia lớp. Tinh thần này hay, thật sự là thanh tịnh, bình đẳng, giác, chúng ta nên vĩnh viễn gìn giữ về sau để phát dương quang đại, hoàn toàn tương ứng với tánh đức. Đây là nói thêm về lòng yêu thương của các vị lão nhân này đối với thế hệ sau chúng ta, chỉ dạy chúng ta nên làm thế nào trong thời đại này.

Đại sư Ấn Quang nói càng hay hơn nữa, Ấn tổ nói, trong thời kỳ mạt pháp, cũng chính là chỉ cho thời đại hiện nay của chúng ta, đạo tràng đừng quá lớn, đồng học đừng nên quá đông; ngài dạy chúng ta, tốt nhất là đồng học đừng nhiều hơn 20 người. Đúng vậy, trong xã hội hiện thời của chúng ta thì cách này hay, chi tiêu ít, hai ba vị hộ pháp đặc lực là có thể chăm sóc được đạo tràng rồi. Điều kiện đầu tiên của người tu hành là thân an ổn thì đạo mới hưng thịnh, bạn muốn thân và tâm an ổn thì hết thấy đều phải đơn giản hóa, phải đơn giản, không cầu cạnh ai, không sợ khổ, đây là Phật dạy chúng ta hai điều kiện. Thích-ca Mâu-ni Phật lúc sắp viên tịch

đã dạy các đệ tử sau này, thứ nhất là phải trì giới, lấy giới làm thầy, thứ hai là lấy khổ làm thầy; nếu bạn không thể chịu khổ, không thể trì giới thì bạn chẳng đạt được gì hết, bằng không thì đó là giả, chẳng phải thật. Hai câu khai thị này quan trọng hơn bất cứ điều gì, chúng ta đã làm được chưa? Vì sao người trước đây có thể làm được? Cuối đời Thanh, đầu thời Dân Quốc, mọi người đều có thể làm được, vì sao người hiện thời không thể làm được? Tôi suy nghĩ vấn đề này rất lâu, tôi đã đi qua rất nhiều nơi, gặp rất nhiều đạo hữu trong nhà Phật chúng ta, người tại gia không làm được thập thiện nghiệp, người xuất gia không làm được sa-di luật nghi, chúng tôi cảm thấy rất đáng tiếc. Chúng tôi truy tìm nguyên nhân vì đâu? Truy tới sau cùng thì tìm ra căn nguyên là do giáo dục.

Cuối đời Thanh, đầu thời Dân Quốc, tức là từ năm Dân Quốc thứ 20 (1931) trở về trước, tuy văn hóa truyền thống đã suy rồi, ít người nói tới, nhưng vẫn còn có người nói, vẫn còn có người làm, vẫn còn gốc. Cũng có thể nói là gia giáo vẫn chưa hoàn toàn bị đoạn tuyệt, gia giáo ở Trung Quốc là giáo dục tư thực. Quê hương chúng tôi là cái nôi của nền văn hóa xưa, phái Đồng Thành của Trung Quốc là ở mảnh đất quê hương của chúng tôi, trong hai thời Minh và Thanh đã xuất hiện rất nhiều người tài. Tại nông thôn, trong các thôn trang, trẻ nhỏ đều đi học, gần như không có trẻ nhỏ thất học, trường học thì ở trong từ đường. Do trẻ nhỏ có nền tảng này nên từ nhỏ đã học biết quy củ, đọc các sách cổ, có căn bản, có căn bản về Nho, có căn bản về Đạo, Đạo ở đây chính là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Đạo tràng phổ biến nhất của nhà Đạo là miếu Thành Hoàng, miếu Thành Hoàng là đạo tràng của Đạo giáo, giáo dục quan trọng nhất trong đó chính là Thập Vương Điện, tức là Thập Điện Diêm Vương, dạy điều gì vậy? Dạy nhân quả. Phụ nữ ở nông thôn mỗi năm đến miếu Thành Hoàng dâng hương cũng phải bốn năm lượt. Thuở nhỏ tôi theo mẹ, khi đó hầy còn rất bé, độ năm sáu tuổi, tới miếu Thành Hoàng thắp hương, cha mẹ bèn nhân cơ hội giáo dục, nói với chúng tôi: “Khởi tâm động niệm, lời nói việc làm, hành vi cử chỉ đều không được phạm tội. Phạm tội thì con thấy hình phạt là núi đao, vạc dầu, nói dối thì bị rút lưỡi”. Ấn tượng này rất sâu, suốt đời cũng không thể quên. Khi lớn lên, khởi tâm động niệm bèn nghĩ đến miếu Thành Hoàng, sẽ có những chuyện bạn chẳng dám làm. Cổ nhân Trung Quốc nói: “Từ nhỏ thành như thiên tánh, thói quen thành tự nhiên”, giáo dục được dưỡng thành từ nhỏ sẽ sanh ra hiệu quả rất lớn, khi gặp chuyện thì bạn sẽ nghĩ việc này có nên làm hay không, sau này còn có nhân quả ra sao, bèn sợ hãi. Vì vậy, đến khi học Phật thì tam quy, ngũ giới, thập thiện rất dễ tiếp nhận, rất dễ làm được! Hiện nay vì sao khó

khăn như vậy? Vì giáo dục nền tảng truyền thống, giáo dục cảm rĩ đã bị vứt bỏ rồi. Đây là kháng chiến 8 năm giữa chúng ta với người Nhật Bản đã vứt bỏ nó rồi, tôi cảm thấy đây là tổn thất không gì sánh bằng. Sau này, chúng tôi dần dần tiếp xúc với Phật pháp bèn quay trở về văn hóa truyền thống, nhận thấy mối quan hệ vô cùng mật thiết giữa ba nhà Nho, Thích, Đạo vĩnh viễn không thể tách rời. Sau khi tiếp xúc liền hiểu rõ, thật sự tốt đẹp! Trên toàn thế giới không tìm đâu ra. Sau khi bạn học rồi thì bạn mới thật sự yêu thương đất nước, yêu thương dân tộc, toàn thế giới sẽ không tìm đâu ra [cái thứ hai].

Thứ mà người nước ngoài hơn chúng ta, tiên sinh Tôn Trung Sơn đã nói rất rõ rồi, ông nói: họ chỉ hơn về khoa học kỹ thuật và cơ khí, họ phát minh máy móc vượt hơn chúng ta, ngoài hai điều này ra thì không có thứ nào sánh bằng chúng ta. Chúng tôi nghe những lời này thì hoàn toàn khẳng định, chẳng chút mảy may nghi ngờ. Thế nên nhiều năm qua, chúng tôi đi qua nhiều quốc gia, qua lại với người nước ngoài, biết mình biết người, chúng tôi biết ưu điểm của họ, nhược điểm của họ thì chúng tôi cũng biết luôn; họ biết được nhược điểm của người Trung Quốc, nhưng không biết ưu điểm của chúng ta. Trừ một số ít người nghiên cứu văn hóa Trung Quốc, nghiên cứu lịch sử Trung Quốc thì hiểu được, họ hiểu rồi thì không ai không bội phục, điều họ bội phục chính là giáo dục nhân tánh. Như học giả Toynbee đã nói rất rõ ràng rằng: “Để giải quyết vấn đề xã hội trong thế kỷ 21, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp Đại thừa”, là do người Anh nói. Đúng vậy, một chút cũng không giả. Tôi tham dự hội nghị hòa bình do Liên Hợp Quốc chủ trì mười mấy lần, hiện nay tình hình xã hội trên thế giới quá rối ren, gần như đã tới tình trạng không thể vãn hồi, làm thế nào đây? Do vậy, khi tôi diễn giảng tại đại học Cambridge đã hỏi các sinh viên rằng: “Điều này là do người nước Anh các bạn nói, vậy giáo học của nhà Nho và Phật pháp Đại thừa thật sự có thể giải quyết vấn đề được không?” Các sinh viên nhìn tôi cười, không ai trả lời. Tôi lại hỏi: “Lẽ nào tiến sĩ Toynbee đã nói sai sao?” Cũng chẳng ai lên tiếng. Cuối cùng, tôi nêu quan điểm của mình, tôi nói: “Ông Toynbee nói không sai, nhìn chung là do chúng ta đã hiểu sai!” Vì sao? Đối tượng nghe tôi nói chuyện đều là sinh viên ngành Hán học, đều nghiên cứu văn hóa truyền thống Trung Quốc, nghiên cứu rất hết lòng, chúng ta không thể không bội phục. Rất nhiều sinh viên thuộc lòng Luận Ngữ, tôi còn không thuộc Luận Ngữ, còn không bằng họ. Họ dùng kinh điển của nhà Nho để viết luận văn tiến sĩ, dùng kinh Phật để viết luận văn tiến sĩ, trong đó có một sinh viên cho tôi biết là anh dùng kinh Vô Lượng Thọ để viết luận văn tiến sĩ. Tôi nói:

“Kinh Vô Lượng Thọ có chín phiên bản khác nhau, anh dùng bản nào?” Anh ấy dùng bản hội tập của ngài Hạ Liên Cư, cùng một bản với chúng ta đang học. Tôi nói: “Hôm nay chúng tôi nhắc tới Khổng Mạnh, bạn lập tức nghĩ đến Tứ Thư, Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh, nghĩ đến những sách ấy; nói đến Phật học Đại thừa thì bạn nhất định sẽ nghĩ đến những kinh điển Đại thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát-nhã, những thứ này đối với các bạn rất quen thuộc, liệu chúng có thể giải quyết vấn đề xã hội hiện nay hay không?” Không một ai dám nói. Tôi nói với họ, đây là sự hiểu lầm.

Nhắc đến văn hóa truyền thống Trung Quốc, các bạn đều nghĩ đến những sách vở mang tính chất đại biểu, điều này không sai, Tứ Thư, Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh là đại biểu cho nhà Nho; Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát-nhã, Pháp Tướng đại biểu cho Phật pháp Đại thừa, đúng vậy. Nhưng những thứ ấy chỉ là hoa quả, rất đẹp, rất ưa nhìn, hoa quả từ đâu ra? Mọc ra từ cành nhánh. Cành nhánh do đâu mà có? Cành nhánh có gốc rễ, gốc rễ là gì? Gốc rễ của Phật pháp là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo không dài, đức Phật đã nói rất rõ ràng trong kinh, Thập Thiện Nghiệp Đạo ví như đại địa, cây cối hoa cỏ đều sanh từ mặt đất, như vậy mới tìm ra được gốc; đức Phật dùng điều này làm thí dụ, pháp của trời người, Thanh văn Bồ-đề, Duyên giác Bồ-đề, cho đến Vô thượng Bồ-đề đều sanh từ đại địa này, đã tìm được gốc rồi. Gốc của Khổng Mạnh là gì? Gốc Khổng Mạnh chính là Đệ Tử Quy. Gốc của Đạo giáo là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Không ai nghĩ đến ba thứ này. Những thứ này có thể sanh ra Tứ Thư, Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh, có thể sanh ra hết thảy các pháp Đại thừa, là từ đây mà sanh ra, bạn tìm ra được những thứ này, bắt đầu học từ đây, hạ công phu từ đây là được, thật sự được cứu. Để cứu xã hội hiện nay, ba cái gốc này hữu dụng.

Ngày nay, chúng tôi nghĩ tai nạn rất nhiều, đức Phật đã dạy chúng ta trong kinh luận, nếu địa phương này có một đạo tràng, là đạo tràng thật sự, không phải giả, đạo tràng thật sự là gì? Là “lục hòa kính”. Bạn thấy khi chúng ta thọ trì tam quy, “quy y tăng, chúng trung tôn”, phải đọc lời thệ nguyện này, câu này có nghĩa là gì? Tăng là tăng đoàn, là đoàn thể. Đoàn thể như thế nào được gọi là tăng đoàn? Tăng đoàn không nhất định là người xuất gia, mọi người học Phật nhất định phải hiểu rõ điều này. Bốn người trở lên sống cùng một chỗ, đều tu lục hòa kính thì gọi là tăng đoàn, gọi là hòa hợp chúng. “Chúng” là từ bốn người trở lên, người Trung Quốc gọi ba người là chúng, nhưng trong Phật pháp thì bốn người gọi là chúng.



Bốn người ấy nếu là gia đình, gia đình bạn có bốn người, trong gia đình tu lục hòa kính thì gia đình của bạn chính là tăng đoàn. Tăng đoàn này sanh ra hiệu quả gì? Mười phương chư Phật hộ niệm, hết thấy long thiên thiện thần ủng hộ. Nơi nào có đoàn thể này, nơi đó không có tai nạn, điều này là thật, không phải giả. Do vậy, “tăng” không phải chỉ cho người xuất gia, quý vị phải biết, xuất gia và tại gia đều như nhau, bốn người cùng tu hành một chỗ [là tăng đoàn]. Lục hòa kính là gì? Chúng ta cũng treo những điều này ở phía ngoài lầu mười, bạn đến đó sẽ thấy sáu điều là: “kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân”. Phải làm thế nào mới có thể thực hiện cụ thể sáu điều này? Thưa quý vị, thực hiện được ba cái gốc thì sẽ thực hiện được. Nếu trong đoàn thể nhỏ này, chúng ta thực hiện được Đệ Tử Quy, thực hiện được Cảm Ứng Thiên, thực hiện được Thập Thiện Nghiệp thì đây chính là tăng đoàn hòa hợp. Đoàn thể nhỏ này có số lượng từ bốn người trở lên, nếu nhiều thì chẳng hạn chế số lượng, tu hành trong đạo tràng này, đạo tràng này được mười phương chư Phật hộ niệm, tất cả long thiên thiện thần bảo hộ. Có đạo tràng như vậy hay không? Tôi học Phật 59 năm rồi mà chưa từng thấy. Không những là chưa nhìn thấy, mà cũng chưa nghe nói tới, tôi chỉ nghe nói hai người xuất gia ở cùng một chỗ mà mỗi ngày đều cãi nhau, đáng buồn thay! Hiện nay tai nạn nhiều như thế, nếu xuất hiện một tăng đoàn như vậy, nếu Hồng Kông có một tăng đoàn như vậy xuất hiện thì khu vực Hồng Kông này sẽ chẳng có tai nạn. Các bạn có chịu phát tâm hay không? Chúng tôi kiến nghị thế này, người thật sự phát tâm hãy ghi danh, ký tên. Trước tiên phải suy nghĩ cho kỹ, thật sự làm được hay không làm được, đừng bỡn cợt, vì đùa giỡn tội rất nặng. Chúng ta không thể đòi hỏi người khác, bắt đầu làm từ chính mình, bắt đầu làm từ bản thân, bắt đầu làm từ đạo tràng nhỏ này của chúng ta. Tôn trọng đạo tràng của người khác, nhất định không phê bình, nhất định không can thiệp, nhất định không nói chuyện đúng sai của người khác, hết thấy bắt đầu làm từ chính mình, bắt đầu làm từ đạo tràng nhỏ của chúng ta. Hãy xem đạo tràng nhỏ của chúng ta có ai ghi tên hay không? Có người phát tâm thật sự làm hay không? Tai nạn nhiều như vậy, làm thế nào để cứu khu vực Hồng Kông? Nếu Hồng Kông không có tai nạn thì tôi tin tưởng vùng duyên hải Trung Quốc sẽ không có tai nạn. Hướng ra ngoài, từ Nhật Bản, Hàn Quốc tới Đài Loan, Philippines, dưới là đến Việt Nam, những khu vực này đều không có tai nạn, bạn nói xem công đức này bao lớn. Hoàn toàn do chính mình có chịu phát tâm hay không, có chịu thật sự làm hay không! Cả đời lão cư sĩ Hạ Liên Cư thường nói hai chữ “thật làm” này.

Thật sự thực hành ba cái gốc này, chúng ta quy y kinh Vô Lượng Thọ, quy là quay đầu, y là nương tựa, nương vào đạo lý được nói trong kinh Vô Lượng Thọ, nương theo phương pháp được nói trong kinh Vô Lượng Thọ mà nghiêm túc tu hành thì không ai không sanh Tịnh độ, sanh về Tịnh độ là một đời thành Phật; nói cách khác, bạn thành Phật trong đời này, công đức viên mãn. Thế nhưng bạn phải ghi nhớ, muốn thật sự viên mãn thì ba cái gốc này rất quan trọng. Có người nói với tôi, dường như có người không có ba cái gốc này, nghe nói họ cũng vãng sanh, có tình hình này hay không? Có. Nhưng ba cái gốc của người ấy chẳng lộ rõ, người ấy có hay không? Chắc chắn là có, nếu không thì làm sao họ có thể vãng sanh được, làm gì có đạo lý như vậy? Nói một bà cụ niệm Phật vãng sanh, suốt đời cũng chưa hề học Phật, cũng chẳng hề học Đạo, cũng chẳng hề học Nho, chuyện gì cũng chẳng biết. Bạn lấy tiêu chuẩn của Đệ Tử Quy để xem coi, bà cụ ấy có phạm điều nào hay không? Bạn nghiêm túc kiểm tra, bà cụ chẳng phạm một điều nào cả, bà chưa từng học. Chưa từng học Thập Thiện Nghiệp, nhưng bà thật sự là người thiện, bà đã đầy đủ điều kiện rồi. Bạn quan sát tỉ mỉ thì mới có thể phát hiện, người vãng sanh, người niệm Phật vãng sanh, bất luận có học hay không, biết chữ hay không, đều là người rất có đức hạnh, đều thật sự là người thiện thì họ mới có thể vãng sanh. Người tâm hạnh bất thiện, lấm mụm, loại người này rất khó vãng sanh. Vì sao vậy? Bạn không thể đến thế giới Cực Lạc, nơi mà các bậc thượng thiện tụ hội được, vì bạn vẫn còn khởi lòng tính toán, làm sao có thể vãng sanh được? Khởi tâm động niệm của bạn là Phật Bồ-tát biết, chư thượng thiện nhân ai nấy đều biết cả. Thật không? Thật, sách Hoàn Nguyên Quán nói cho chúng ta biết, trong tâm hết thấy chúng sanh vừa mới khởi một niệm thì ý niệm ấy bèn trùm khắp pháp giới. Tốc độ của nó quá nhanh, nó xúng táng, nhưng bản thân chúng ta không biết. Bất luận là ý niệm gì, hễ vừa khởi lên ý niệm thì sẽ có ba thứ trọn khắp: thứ nhất là tin tức này trọn khắp pháp giới, thứ hai là xuất sanh vô tận, thứ ba là chứa đựng cả không lẫn có, trong một niệm bèn có ba thứ trọn khắp. Bạn không có cách nào tưởng tượng được phạm vi trọn khắp ấy, người Trung Quốc có hai câu nói hình dung hết sức hay: “Lớn mà không có ngoài, nhỏ mà không có trong”. Hai câu này rất nhiều người nghe đã quen tai, cũng đều có thể nói, nhưng trên thực tế rất khó nói rõ ý nghĩa của nó. “Lớn mà không có ngoài” là không có biên giới, còn “nhỏ mà không có trong” thì khó hiểu, trong kinh Hoa Nghiêm nói được rất hay, thế nào là không có trong? Bên trong một hạt vi trần có thể giới, thế giới như thế nào? Lớn như thế giới bên ngoài. Bên trong vi trần có thể giới, thế giới trọn chẳng hề thu

nhỏ, vi trần chẳng hề phình to, vẫn như vậy, chẳng lớn hay nhỏ! Thế giới bên trong vi trần lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới, trùng trùng vô tận, gọi là nhỏ mà không có trong. Bạn có thể truy tìm đến tột cùng được chẳng? Tìm không được. Cảnh giới không thể nghĩ bàn! Đức Phật không vọng ngữ, vì sao vậy? Bạn kiến tánh thì sẽ thấy được, bạn bèn hiểu rõ; bạn chưa kiến tánh thì nghĩ cách nào cũng nghĩ không ra, chẳng phải là điều có thể tư duy được. Cho nên gọi là không thể nghĩ bàn, tức là không thể tư duy, không thể nghĩ tưởng, bạn cũng không có cách nào bàn luận về nó, xứng tánh mà. Có thứ nào mà chẳng xứng tánh? Thứ nào cũng đều xứng tánh, chỉ là do chúng ta mê nên bất giác.

Ở đây nói là bản hoàn thiện nhất, tiêu chuẩn của bản hoàn thiện nhất chính là trong bản này không có chữ sai. Sợ nhất là sách bị sai chữ, trong bản này không có chữ sai, đó chính là bản tốt nhất. Nghĩa lý chẳng có khiếm khuyết, thứ lớp hoàn chỉnh, phương pháp tinh tế, nương theo lý luận và phương pháp này tu hành thì bạn sẽ đạt được lợi ích chân thật. Trong lợi ích chân thật thì quan trọng nhất là bạn hiểu được chân tướng của vũ trụ nhân sinh, buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bạn liền khế nhập cảnh giới, đó gọi là liễu nghĩa rốt ráo. Người thông thường chúng ta gọi khế nhập cảnh giới là chứng quả, đã thành Phật, có ý nghĩa như vậy.

Chúng ta xem câu tiếp theo: “*Kinh Vô Lượng Thọ là tổng cương của Tịnh tông*”. “Cương” là cương lĩnh, tổng cương lĩnh, cho nên được gọi là kinh đệ nhất của Tịnh tông. Kinh của Tịnh tông không nhiều, trong tất cả các tông phái chỉ có kinh điển của Tịnh độ tông là ít nhất, chỉ có ba bộ kinh, một bộ luận, đó là thời xưa. Ba bộ kinh, thứ nhất là kinh Vô Lượng Thọ, thứ hai là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, còn gọi là kinh Thập Lục Quán, thứ ba là kinh A-di-đà, phân lượng đều rất ít; một bộ luận là Vãng Sanh Luận của Bồ-tát Thiên Thân, tam kinh nhất luận. Bộ luận đó chính là báo cáo tâm đắc về việc tu Tịnh độ, vãng sanh thế giới Cực Lạc của Bồ-tát Thiên Thân, nêu ra để cho chúng ta làm tham khảo. Hiện nay thì sao? Hiện nay là ngũ kinh nhất luận, ngũ kinh do đâu mà có? Ba kinh là do Phật nói, ngũ kinh là trong niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh, mọi người đều biết vợ vua Hàm Phong là Từ Hy thái hậu, nói đến Hàm Phong thì chẳng mấy ai biết, nói Từ Hy thái hậu thì rất nhiều người biết, chồng Từ Hy thái hậu là Hàm Phong. Trong niên hiệu Hàm Phong có cư sĩ Ngụy Mặc Thâm, trong phần sau sẽ giới thiệu về ông. Vị lão cư sĩ này cũng rất tài giỏi, ông đem quyển cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, không phải là một phẩm, quyển cuối cùng là mười đại nguyện vương của Bồ-tát Phổ Hiền

dẫn về Cực Lạc, đem quyển cuối cùng này của kinh Hoa Nghiêm, rút ra một chương trong phẩm này, đặt vào sau Tịnh độ tam kinh, trở thành Tịnh độ tứ kinh. Do vậy, nếu sau này bạn thấy trong Phật môn có Tịnh độ tứ kinh thì bạn biết đó là do ông Ngụy Mặc Thêm thêm vào. Thêm vào rất hay! Vì sao thêm vào rất hay? Trong kinh Vô Lượng Thọ, đặc biệt là trong bản hội tập của Hạ lão, chúng ta thấy phẩm thứ hai là Đức Tuân Phổ Hiền, chính là một chương ấy. Quả thật là kinh Hoa Nghiêm đến sau cùng quy về Tịnh độ, trở về kinh Vô Lượng Thọ, thế nên ông ấy thêm thiên ấy vào quá hay. Đây là Tịnh độ tứ kinh.

Ngũ kinh là do đại sư Ấn Quang đề xướng, vị này thuộc thời cận đại, đại sư Ấn Quang cách chúng ta không xa, năm Dân Quốc hai mươi mấy ngài mới vãng sanh, vãng sanh trong thời gian kháng chiến. Ngài đem chương Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông trong phần Hai Mươi Lăm Pháp Viên Thông của kinh Lăng-nghiêm, đem đoạn kinh văn ngắn này để vào sau Tịnh độ tứ kinh, biến thành Tịnh độ ngũ kinh. Cách làm này không thể nghĩ bàn! Tịnh độ có cần thêm kinh điển nào khác nữa hay không? Không cần, đến đây là viên mãn rồi. Vì sao vậy? Hai trăm bốn mươi bốn chữ đó, tôi nói với bạn, đó là Tâm Kinh của Tịnh độ tông, mà cũng là Tâm Kinh của toàn bộ giáo pháp trong Đại tạng kinh. Cũng như đại sư Thiện Đạo thường nói: “Chư Phật sở dĩ xuất hiện ở thế gian, chỉ vì nói biển bốn nguyện của Di-đà”. Cách làm này của đại sư Ấn Quang đã khiến cho chúng ta hoàn toàn hiểu rõ câu nói ấy của đại sư Thiện Đạo. Phương pháp bậc nhất mà hết thầy chư Phật ứng hóa trong mười pháp giới, phổ độ chúng sanh trong mười pháp giới của hết thầy cõi Phật là gì? Chính là trì danh niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, trùm khắp ba căn, thâm nhiếp cả độn căn lẫn lợi căn, đây là pháp môn tuyệt diệu! Cực đơn giản, dễ dàng, ôn hòa, thích đáng, ai cũng có thể tu, ai cũng đều có thể thành tựu, đại sư Thiện Đạo nói pháp môn này “vạn người tu, vạn người đi”, chẳng sót một ai.

Vì sao người tu Tịnh độ nhiều như thế, mà người vãng sanh ít như vậy? Liệu có mâu thuẫn với lời của đại sư Thiện Đạo hay không? Thưa quý vị, không hề! Do nguyên nhân nào? Bạn không tu hành như lý như pháp, lỗi tại bạn, không phải do pháp môn, không do kinh điển; nếu bạn tu như lý như pháp thì thật sự là “vạn người tu, vạn người đi”, chẳng sót một ai. Kinh Di-đà đã nói rất rõ ràng: “Không thể dùng ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi kia”, thiện căn là gì? Phước đức là gì? Nhân duyên là gì? Ngày nay chúng ta đã đủ nhân duyên, được

thân người là nhân duyên, gặp Phật pháp là nhân duyên, gặp Đại thừa là nhân duyên, gặp kinh Hoa Nghiêm, gặp Tịnh độ là nhân duyên phi phạm, duyên đầy đủ rồi. Vấn đề ở đâu? Thiện căn, phước đức. Thiện căn là gì? Tín giải. Bạn có thật sự tin tưởng hay không? Đối với pháp này, bạn còn có vấn đề nào hay không? Nếu còn hoài nghi thì thiện căn của bạn có vấn đề. Bạn có hiểu rõ đạo lý của Tịnh tông hay không? Không thấu triệt hiểu rõ; hiểu rõ sẽ giúp bạn tin tưởng. Sở dĩ bạn có hoài nghi là do bạn chưa hiểu thấu triệt, thật sự hiểu rõ ràng tường tận thì sẽ chẳng hoài nghi, bạn có tín giải, tín giải là thiện căn. Phước đức là gì? Thật làm! Người thật làm có phước đức. Bạn chẳng thật làm, vẫn chưa buông xuống được thế gian này, vẫn còn lưu luyến, vậy là xong rồi, bạn sẽ rất khó thành tựu. Vì thế, kinh không có khuyết điểm, lý luận và phương pháp đều không có khuyết điểm, khuyết điểm là do phiền não và tập khí của chính mình, nếu buông xuống những thứ ấy thì chắc chắn bạn đạt được Tịnh độ ngay trong một đời này.

Tiếp đó, ngài Hoàng Niệm Tổ trích dẫn lời ông Bành Thiệu Thăng, chính là Bành Tế Thanh: *“Vào đời Thanh, cư sĩ Bành Thiệu Thăng của nước ta đã tán thán rằng: Kinh Vô Lượng Thọ là Viên giáo xứng tánh của Như Lai, là hình thức hóa độ vốn có của chúng sanh”*. Những câu này hết sức quan trọng. “Như Lai” là người minh tâm kiến tánh trong mười phương, đó là chư Phật Như Lai, lời nói xứng tánh, từng câu từng chữ đều lưu lộ ra từ tự tánh, từng câu từng chữ đều viên mãn, nên gọi là Viên giáo. Tự tánh của hết thảy chư Phật Như Lai và tự tánh của hết thảy chúng sanh là một tánh, không phải hai tánh. Thế nên trong giáo pháp Đại thừa, khi nói đến tự tánh thì đức Phật thường dùng biển làm thí dụ, “tánh hải”. Mỗi một chúng sanh giống như một bọt nước nổi trên mặt biển cả, bọt nước đó do đâu mà sanh ra? Từ biển sanh ra. Bọt nước này và bọt nước kia, nếu bọt nước không vỡ tan thì dường như chúng đối lập nhau, chỗ này là một bọt, chỗ kia là một bọt khác; sau khi bọt nước vỡ tan thì tất cả đều là biển cả. Người thông minh chẳng cần chờ đến lúc bọt nước vỡ, mà sẽ biết được toàn là nước biển, mỗi bọt nước đều là nước biển, nước biển chính là tự tánh. Do vậy trong kinh giáo, đức Phật thường nói: “Mười phương ba đời Phật cùng chung một pháp thân”, một tâm, một trí tuệ, “lực, vô úy cũng thế”, không có gì khác nhau, vì sao vậy? Bạn không lìa tự tánh. Câu này đã đem thật tướng các pháp nói toạc ra trong một lời, chúng ta và hết thảy chúng sanh có quan hệ gì? Là một thể, một tự tánh, bạn nói xem quan hệ này mật thiết biết bao. Vì sao có khác nhau nhiều như vậy? Do mê ngộ mà khác nhau. Ngộ rồi liền biết chúng ta là một thể, còn thân thiết hơn người một nhà, một thể mà! Khi mê thì mới

chia ra ta, ra người, mới có phân biệt, mới có chấp trước, mới tạo nghiệp, mới chuốc lấy những quả báo oan uổng. Luân hồi trong lục đạo là oan uổng, là cảnh giới trong mộng, chúng chẳng phải thật; thật sự triệt để hiểu rõ rồi thì giấc mộng ấy cũng không lìa khỏi tự tánh. Do vậy, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều không lìa tự tánh, đều do tự tánh hiện.

Cho nên, ông Bành Tế Thanh nói: “Là hình thức hóa độ vốn có của chúng sanh”, ngày nay chúng ta gọi “hình thức” là phương thức, cách thức. Hiện nay, chúng ta dẫn dắt học sinh thì dùng hình thức như thế nào? Hiện nay chúng ta biết được, đối với trẻ nhỏ, trẻ thơ, chúng ta lập ra nhà trẻ, trường mẫu giáo, mở trường tiểu học, tùy theo độ tuổi của chúng, rồi lại mở trường trung học, mở đại học, rất giống phương thức ấy, đây gọi là hình thức hóa độ. Ngoài hình thức hóa độ ra, còn có phương pháp hóa độ, tức là phương pháp dạy học. Chúng sanh căn tánh khác nhau, đối với căn tánh khác nhau, dùng phương pháp gì để dạy họ? Vì thế, nhà Phật gọi là hình thức hóa độ và phương pháp hóa độ. Thích-ca Mâu-ni Phật 49 năm dạy học trò, về phương diện hình thức hóa độ, sau khi khai ngộ, trước tiên ngài giảng A-hàm 12 năm, A-hàm giống như tiểu học của Phật giáo. Giảng điều gì? Giảng pháp trời người, giảng cách làm người như thế nào, cũng như ngày nay chúng ta nói là giảng luân lý, giảng đạo đức, giảng nhân quả, những giáo học này trong kinh A-hàm rất nhiều, đều ở trong đây. Đến thời kỳ Đại thừa thì dần dần thảo luận về vũ trụ nhân sinh, ngày nay chúng ta gọi là triết học và khoa học, đều giảng đến viên mãn rốt ráo. Vũ trụ do đâu mà có? Vạn pháp từ đâu ra? Ta từ đâu đến? Thật sự giảng rõ ràng tường tận, quả thật chẳng dễ dàng! Cho đến nay, bao nhiêu nhà khoa học, nhà triết học, nhà tôn giáo trên thế giới đang nghiên cứu vấn đề này, đều chẳng tìm được câu trả lời, vẫn còn những vấn đề tồn đọng, chỉ riêng Phật pháp Đại thừa giảng rõ ràng, giảng tường tận, không có nghi hoặc.

Năm xưa tôi học triết học, Phương tiên sinh giảng triết học trong kinh Phật cho tôi nghe, thầy bảo tôi, theo cách nhìn của thầy: “Thích-ca Mâu-ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới, kinh Phật là đỉnh cao nhất của triết học trên toàn thế giới”. Đây là nguyên văn lời thầy nói, thầy bảo với tôi rằng: “Học Phật sự là hưởng thụ cao nhất của đời người”, thầy đã dẫn tôi tiến vào cửa Phật. Lại còn đặc biệt nói với tôi, câu nói này rất quan trọng, nếu không thì tôi sẽ mê hoặc, sẽ hoài nghi, muốn xem coi những người học Phật học như thế nào, thật sự có đúng như Phương tiên sinh nói hay không? Vì thế, câu nói sau đây của Phương tiên sinh quan trọng

lắm, thầy bảo: “Triết Học trong kinh Phật ở trong kinh điển, không ở trong chùa chiền”, câu nói này hết sức quan trọng. Vì sao không ở trong chùa chiền? Người trong chùa chẳng học nữa. Xưa kia, cổ đại đức trong chùa chiền thật sự rất phi phạm, vì sao? Họ thật sự học. Nay thì sao? Người xuất gia trong chùa hiện nay chẳng học, biến [Phật giáo] thành tôn giáo. Xuất gia làm việc gì? Xuất gia giao tiếp với quỷ thân, lo siêu độ, làm Phật sự, pháp hội, làm những chuyện này. Những chuyện này có cần phải làm hay không? Cần. Nhưng phải nên làm như thế nào? Vào trong cõi quỷ mà làm, còn ở trong cõi người thì hãy lo dạy con người. Ở trong cõi quỷ có người làm hay không? Có, Phật Bồ-tát ở trong cõi quỷ. Bạn thấy Địa Tạng Vương Bồ-tát: “Địa ngục chẳng không, thề không thành Phật”; bạn thấy lễ phóng diệm khẩu, Tiêu Diệm Đại sĩ đối diệm với diệm khẩu là ai? Là Quán Thế Âm Bồ-tát, hiện thân quỷ trong cõi quỷ để độ quỷ. Nên hiện thân gì để độ bèn hiện thân ấy, hiện thân ở trong nhân gian thì phải dạy con người, sao lại dùng thân người để dạy quỷ, đâu có đạo lý ấy? Dùng thân quỷ cũng chẳng thể dạy người.

Do vậy, sự ứng hóa của Phật Bồ-tát không thể nghĩ bàn, nên dùng thân gì để độ bèn hiện thân ấy, nên dạy họ điều gì thì sẽ dạy họ điều ấy. Phải biết điều này không do chính các ngài quyết định, mà do người ấy cảm, Phật bèn ứng, tự nhiên cảm ứng đạo giao. Giống như tiến sĩ Emoto Masaru của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước, chúng ta dùng tâm thiện để cảm, bạn thấy nước đáp lại bằng kết tinh đẹp nhất; chúng ta dùng niệm ác để cảm, nước đáp lại bằng hình thái rất khó coi. Chư Phật Bồ-tát đối với tất cả chúng sanh cũng như vậy. Chúng sanh khởi lên niệm gì thì cảm được các ngài ứng hiện như thế. Chư Phật Bồ-tát ứng hóa trong thế gian, các ngài tuyệt đối chẳng có suy tư hay nghĩ ngợi nào, nếu có suy tư hay nghĩ ngợi thì là phàm phu, phàm phu mới có suy tư và nghĩ ngợi, Pháp thân Bồ-tát là bậc kiến tánh, chắc chắn không có, vì sao vậy? Kiến tánh thì điều kiện đầu tiên là phải đoạn trừ khởi tâm động niệm. Không khởi tâm, không động niệm thì còn có suy nghĩ hay cách nhìn gì nữa? Không còn nữa, đó gọi là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Do vậy, chúng sanh có tâm cảm, Phật bèn vô tâm ứng, nên gọi là xứng tánh, tự tánh tự nhiên sẽ có ứng. Cho nên, chúng ta phải hiểu ý nghĩa của hình thức hóa độ và phương pháp hóa độ này. Thông thường nói, trong khi học tập chúng ta cũng thường nói “hóa ác thành thiện”, hiện nay chúng ta giúp đỡ người khác, bước đầu tiên là dạy họ, giúp họ sửa lỗi. Hóa ở đây là thay đổi khí chất, là giáo học nói từ trên quả, mục tiêu cuối cùng của giáo học là thay đổi khí chất của họ. Nói cụ thể là chuyển hóa ý niệm ác, lời nói ác, hành vi ác thành niệm thiện, hạnh thiện, vậy là

chúng ta dạy học thành công rồi, đây là bước đầu tiên. Tiến thêm bước nữa chính là hóa mê thành ngộ, đây mới thật sự là Phật pháp; hóa ác thành thiện là pháp thế gian, hóa mê thành ngộ mới có thể xuất thế gian, thật sự giác ngộ. Cuối cùng là hóa phàm thành thánh, từng bước nâng lên cao.

Có thể nói bộ tài liệu này của lão cư sĩ Hoàng rất dụng tâm, hết sức phong phú, tận tâm tận lực sưu tập. Tiếp theo, ngài trích dẫn lời pháp sư Đạo Ân của Nhật Bản tán thán kinh Vô Lượng Thọ: “*Là chánh thuyết của Như Lai khi xuất hiện ở đời*”, xuất hiện là hưng khởi, ý nghĩa giống như lời của đại sư Thiện Đạo. Đại sư Thiện Đạo nói: “Như Lai sở dĩ xuất hiện ở thế gian”, chính là chữ “xuất hiện” này, xuất hiện ở thế gian, “chỉ vì nói biển bốn nguyện của Di-đà”, bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật phổ độ chúng sanh. Tôi chưa tra tài liệu xem vị Đạo Ân này là người thời nào. Vì Tịnh độ tông Nhật Bản là từ đại sư Thiện Đạo truyền sang, vào thời Đường có nhiều cao tăng Nhật Bản sang Trung Quốc du học, lúc ấy đại sư Thiện Đạo còn tại thế. Do vậy, đại sư Thiện Đạo rất nổi tiếng ở Nhật Bản, ngài không nổi tiếng ở Trung Quốc, chứ ở Nhật Bản thì ngài rất nổi tiếng, Nhật Bản có rất nhiều ngôi chùa mang tên chùa Thiện Đạo, bạn thấy chùa Thiện Đạo thì biết đó là Tịnh độ tông. Đài Bắc còn có một ngôi chùa Thiện Đạo được thành lập vào thời Nhật Bản thống trị, đây là đạo tràng Tịnh độ tông. Do vậy, câu nói này có lẽ là học theo đại sư Thiện Đạo. Ngài nói “là chánh thuyết của Như Lai khi xuất hiện ở đời”, nói cách khác, hết thảy các kinh khác do đức Phật nói, hết thảy các kinh nói trong 49 năm đều là nói kèm thêm, kinh này mới là chánh tông, kinh Vô Lượng Thọ là chánh tông, những kinh khác đều nhằm trợ giúp cho kinh Vô Lượng Thọ, chính là ý nghĩa này, đây mới là chánh thuyết. Thế nên, quả thật qua lời tựa của đại sĩ Mai Quang Hy, chúng ta thấy các vị đại đức thời Tùy - Đường đều thừa nhận, ngay cả kinh Pháp Hoa và kinh Hoa Nghiêm đều nhằm dẫn dắt chúng ta quy hướng về Tịnh độ. Bạn đọc phần 53 lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm, mười đại nguyện vương của Bồ-tát Phổ Hiền dẫn về Cực Lạc. Cho nên, ông Ngụy Mặc Thâm đem quyển cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm đặt vào cuối Tam kinh, gọi là Tịnh độ tứ kinh là có đạo lý, chẳng phải bàn cãi gì nữa, chúng tôi tán thành hành động này bằng hai tay, kinh Hoa Nghiêm quy về kinh Vô Lượng Thọ. Trong kinh Pháp Hoa, long nữ 8 tuổi thành Phật, cũng do nghe Bồ-tát Văn-thù giảng kinh, cô nghe hiểu rồi, cũng cầu sanh Tịnh độ. Cho nên đại sư Ấn Quang đã nói: “Ngàn kinh vạn luận, khắp chốn đều quy về”. Do vậy, kinh này là chánh thuyết, lời này xác thực là có căn cứ.



“*Kinh điển tuyệt diệu, đặc biệt tối thắng*”. Đặc biệt tối thắng là thù thắng không gì bằng, hết thấy các kinh chẳng thể sánh bằng, kể cả kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, tuy hai kinh ấy đều là Đại thừa, đều là kinh Nhất thừa, nhưng làm sao thù thắng bằng pháp môn này được! “*Lời giảng tột cùng về Nhất thừa cứu cánh*”, ở đây nói rõ kinh này đặc biệt ở chỗ nào, thù thắng nhất ở chỗ nào, kinh này thật sự là giáo pháp Nhất thừa, giáo pháp Nhất thừa là thành Phật trong một đời, nói đến chỗ cứu cánh viên mãn. “Nhanh chóng” là tốc độ cực nhanh. Trong các pháp môn thông thường, tức là các pháp môn thuộc các tông phái, thời gian tu học đều phải rất lâu, chỉ riêng pháp môn này chẳng cần thời gian rất dài. Trong các pháp môn khác, tu hành phải mất vô lượng kiếp mới có thể đào thải hết sạch phiền não tập khí: kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não. Bạn không đoạn hết phiền não, vậy làm sao bạn có thể trở về nguồn? Hết vọng mới quay về được nguồn. Kinh Hoa Nghiêm gọi là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, dùng những danh từ này, vọng tưởng là vô minh phiền não, phân biệt là trần sa phiền não, chấp trước là kiến tư phiền não, những danh từ này đều có thể tra trong Phật Học Đại Từ Điển. Đào thải hết sạch, đoạn hết kiến tư phiền não bèn chứng A-la-hán, ra khỏi lục đạo. Ngoài lục đạo là tứ thánh pháp giới, lục đạo là giới hạn, ở trong lục đạo thì gọi là nội phạm, là phạm phu, tức là phạm phu trong lục đạo; tứ thánh pháp giới gọi là ngoại phạm, ở ngoài lục đạo, nhưng vẫn là phạm phu, chưa phải là thánh nhân. Phạm và thánh khác biệt ở chỗ nào? Một đấng dùng chân tâm thì là thánh nhân, một đấng dùng vọng tâm nên là phạm phu, vọng tâm là dùng a-lại-da thức. Phải biết rằng, trong tứ thánh pháp giới thì ngoài A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát, còn có Phật, phía trên đó còn có Phật, nhưng hoàn toàn dùng a-lại-da, vì thế gọi là ngoại phạm, tức phạm phu ở ngoài lục đạo. Tuy họ dùng vọng tâm nhưng vọng tâm này được dùng rất chánh, rất giống chân tâm. Vì sao dùng rất chánh, rất giống chân tâm? Đều do họ học Phật, dung hội lý luận được nói trong kinh Phật vào nội tâm của mình, vào trong a-lại-da, biến nó thành hạt giống trong a-lại-da; nên khi thực hiện, từng điều trong giới luật đều được thực hiện rõ ràng, họ đều làm rất tốt, hết sức giống Phật. Do vậy, tứ thánh pháp giới được gọi là “*tương tợ tức*”, nghĩa là rất giống, làm rất giống, nhưng chưa phải là thật sự. Vì sao chưa phải là thật sự? Chưa chuyển *thức* thành *trí*, họ chưa chuyển được. Điều này như trong kinh Bát-nhã nói: “*Pháp còn phải xả, hướng là chẳng phải pháp*”, bạn đều làm được những điều nói trong kinh giáo, làm tốt như vậy nhưng bạn vẫn là phạm phu, bạn có thể ra khỏi lục đạo, nhưng chưa ra khỏi thập pháp giới; nếu muốn ra khỏi thập pháp giới thì phải

buông những thứ này xuống. Pháp còn phải xả, huông là chẳng phải pháp, Phật pháp cũng xả luôn thì ra khỏi thập pháp giới, phải biết điều này.

Vì thế, bạn thấy kinh này tuyệt diệu biết bao, phương pháp tu hành trong kinh này, đầu tiên là như trong tựa đề kinh này, nửa đoạn đầu là quả báo, nửa đoạn sau là tu nhân. Nửa đầu là “Đại thừa”, Đại thừa là gì? Đại thừa là trí tuệ, tức trí tuệ bát-nhã sẵn có trong tự tánh, “vô lượng thọ” là đức, “trang nghiêm” là tướng. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai”, trí tuệ chính là Đại thừa, đức là vô lượng thọ, tướng là trang nghiêm. Đây là trên mặt quả, hết thấy chúng sanh đều có. Chúng ta khôi phục chúng bằng cách nào? “Thanh tịnh, bình đẳng, giác”, đó là tu đức. Chúng ta tu hành là tu điều gì? Tu tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh thành tựu nhờ giới luật, tâm bình đẳng thành tựu nhờ thiền định, giác thành tựu từ Bồ-đề, giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Vì vậy, tu “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, chúng “Đại thừa, vô lượng thọ, trang nghiêm”, đều ở ngay trong tựa đề kinh.

Vì lẽ đó nên ở Trung Quốc lẫn ngoại quốc, các tổ sư đại đức đã nói không sai, nói thật hay: “*Lời giảng tốt cùng về Nhất thừa cứu cánh, là lời vàng viên dung nhanh chóng*”. Chữ “vàng” này được dùng rất nhiều trong kinh Phật, bạn phải hiểu ý nghĩa của nó. Vàng có nghĩa là gì? Vàng không thay đổi. Kim loại đều bị ô-xi hóa, đều bị đổi màu, chỉ có vàng là không thay đổi, quý ở chỗ này. Cho nên, Phật pháp dùng vàng chính là không thay đổi, thân vàng vĩnh viễn không hư hoại, là chân thân, dùng theo ý nghĩa này, chứ không phải là thật sự sơn thành màu vàng ròng. Hiện nay, tượng Phật trong chùa đều được sơn màu vàng, đây là biểu pháp, Phật có thật sự là màu này hay không? Màu ấy cũng chẳng dễ coi. Phải hiểu đó là biểu pháp, vĩnh viễn không thay đổi, đây là xứng tánh. Thân ấy có hay không có? Có, trong cõi Thật báo thì có, trong cõi Thật báo của chư Phật Như Lai, cõi Thật báo trong thế giới Tây Phương Cực Lạc. Sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, thân tướng của bạn vĩnh viễn không thay đổi. Thế giới Tây Phương Cực Lạc không phải thai sanh, không phải là từ trẻ nhỏ dần dần trưởng thành, không phải! Họ là hóa sanh, đến nơi ấy là hóa sanh trong hoa sen. Hóa thân có hình dáng như thế nào? Chẳng khác biệt với hình dáng của A-di-đà Phật, đây là pháp bình đẳng. Hiện nay chúng ta vẽ thế giới Tây Phương Cực Lạc, vẽ A-di-đà Phật đặc biệt to, vẽ Bồ-tát nhỏ hơn một chút, người vãng sanh lại vẽ nhỏ hơn chút nữa, điều này đều không như pháp, các ngài đều to lớn như nhau, đâu có lớn nhỏ như vậy! Nếu có lớn nhỏ

thì không bình đẳng rồi, các ngài đều lớn như nhau. Vĩnh hằng không thay đổi, họ là hóa sanh. Cho nên những điều này, nếu bạn đọc kinh giáo nhiều hơn thì sẽ dần dần hiểu rõ, sẽ biết hàm nghĩa thật sự ở trong đây.

Vì sao họ không có thay đổi? Vì họ không có ý niệm, đạo lý là ở chỗ này. Bạn hiểu đạo lý này thì sẽ tin tưởng. Thay đổi là do đâu? Thay đổi là “do thức biến, do tâm hiện”. Cối Thật báo trang nghiêm chỉ có do tâm hiện, không có do thức biến, họ đã chuyển thức thành trí, cho nên họ chẳng có biến đổi. Bạn không có ý niệm thì sẽ không khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm thì sẽ biến đổi, không khởi tâm, không động niệm thì làm sao biến đổi được? Sẽ không biến đổi, vĩnh hằng không thay đổi. Hoa cỏ, cây cối trong thế giới Tây Phương Cực Lạc vĩnh viễn chẳng héo tàn, vĩnh viễn chẳng biến chất, đạo lý là ở chỗ này. Cư dân nơi ấy lẽ nào không phải là cảnh chuyển theo tâm ư? Cư dân nơi ấy mỗi người đều minh tâm kiến tánh, nói minh tâm kiến tánh là đã đoạn vọng tưởng, vọng tưởng là khởi tâm động niệm, mọi người đều không khởi tâm, không động niệm; khởi tâm động niệm còn không có thì lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Đạo lý là như vậy. Chúng ta hiểu rõ rồi, bèn thừa nhận, thế giới đó là thật, chẳng phải giả.

Chúng ta muốn bất biến ở trong thế giới này có được hay không? Được, bạn không khởi tâm, không động niệm là được, chính là cảnh giới như vậy. Làm không được là vì ý niệm quá vi tế. Bạn thấy đức Phật hỏi Bồ-tát Di-lặc, Thích-ca Mâu-ni Phật hỏi ngài Di-lặc chính là nói cho chúng ta nghe! Phạm phu chúng ta khởi lên một ý niệm, tức là trong tâm có ý niệm, chúng ta khởi lên một niệm, trong một niệm này có bao nhiêu niệm vi tế tổ hợp thành? Phật hỏi mấy niệm, mấy tướng, mấy thức? Bồ-tát Di-lặc trả lời là trong khoảng khảy ngón tay. Chúng ta nói một niệm, một cái khảy ngón tay, chúng ta khảy nhanh thì ước chừng trong một giây khảy được bốn lần, nếu khảy rất nhanh thì chắc là có thể khảy tới năm lần, trong một giây có thể khảy tới năm lần. Ngài nói trong một khảy ngón tay có 32 ức trăm ngàn niệm, trăm ngàn là đơn vị, một trăm ngàn là mười vạn, 32 ức nhân với mười vạn, thành 320 ngàn tỷ. Bạn thấy trong một khảy ngón tay có 320 ngàn tỷ, trong một giây thì chúng ta khảy bốn lần, sẽ là 1.280 ngàn tỷ, nếu khảy năm lần sẽ là 1.600 ngàn tỷ. Một niệm này quá vi tế, làm sao chúng ta có thể cảm nhận được? Bồ-tát Di-lặc nói “niệm niệm thành hình”, hình là vật chất, là tướng cảnh giới của a-lại-da; “mỗi hình đều có thức”, chính là chuyển tướng của a-lại-da.

Ở chỗ này, quý vị nhất định phải hiểu, trong tự tánh cái gì cũng đều có, chẳng thiếu thứ gì, nó có thể hiện, có thể sanh, có thể hiện, ý niệm có thể biến hóa, chính là thức có thể biến; không có thức thì nó có thể hiện, có thể sanh, có thể hiện. Thế giới Cực Lạc là có thể sanh, có thể hiện, nhưng không có biến đổi, người bên ấy hoàn toàn dùng chân tâm, không có vọng tâm, đều là chuyển thức thành trí, cho nên thế giới của họ vĩnh hằng không thay đổi. Vô lượng trí tuệ, vô lượng thần thông, vô lượng đức năng, đều là thức có sẵn trong tự tánh, chẳng phải do học được, mà là những thức ta có sẵn từ lâu. Đây có phải là đạt đến cứu cánh hay không? Thật sự trở về nguồn là cõi Thường tịch quang, trong cõi Thường tịch quang thì hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều không có, đấy mới gọi là trở về tự tánh. Làm thế nào mới trở về tự tánh? Do trong cõi Thật báo tuy đã đoạn vọng tưởng, nhưng tập khí vọng tưởng vẫn chưa đoạn, do có tập khí vọng tưởng nên mới có cõi Thật báo trang nghiêm; tập khí vọng tưởng cũng đoạn rồi, chẳng còn nữa thì cõi Thật báo cũng sẽ không còn. Cho nên, “phàm những gì có tướng đều là hư vọng”, ngay cả cõi Thật báo trang nghiêm cũng không ngoại lệ. Trong kinh, đức Phật không có nói cõi Thật báo trang nghiêm là ngoại lệ, không nói lời này, cõi Thật báo cũng không phải là cảnh giới thật. Cảnh giới thật sự là Thường tịch quang, chính là năm câu mà đại sư Huệ Năng đã nói, năm câu ấy nói về Thường tịch quang. Câu cuối cùng là “có thể sanh vạn pháp”, vạn pháp sanh ra từ Thường tịch quang, Thường tịch quang có thể sanh, có thể hiện. “Phàm những gì có tướng” đều thuộc về cõi Thật báo, cõi Phương tiện, hay cõi Đồng cư. Tứ thánh pháp giới là cõi Phương tiện, lục đạo luân hồi là cõi Đồng cư, không có gì là chân thật. Phải biết rằng, hư không của chúng ta cũng là giả, không phải thật, thời gian và không gian đều là giả, trong cõi Thường tịch quang không có thời gian, không có không gian; không có thời gian thì không có trước sau, không có không gian thì không có khoảng cách, đó mới gọi là thật sự trở về tự tánh.

Cho nên, cảm ứng đạo giao với hết thảy chúng sanh, nói cho quý vị biết, là không chỗ nào chẳng hiện thân, không lúc nào chẳng hiện thân. Hiện thân lâu hay ngắn là do nghiệp cảm của chúng sanh, chúng sanh vẫn còn cảm thì tướng ấy vẫn còn, chúng sanh không còn cảm thì tướng ấy chẳng còn nữa. Cái thân này của chúng ta là thân nghiệp báo, cũng có tính thời gian, tức là có thời gian tồn tại lâu hay ngắn, nghiệp báo mà! Phật Bồ-tát chẳng phải là nghiệp báo, Phật Bồ-tát là ứng hóa, ứng theo sự cảm của chúng sanh mà hiện ra thân tướng. Không chỉ là hiện thân tướng loài người, mà các ngài còn có thể hiện tướng cây cối hoa cỏ, các ngài

có thể hiện tướng núi sông đất đai, tướng gì các ngài cũng đều có thể hiện. Vì vậy, chúng ta đọc những câu chuyện xưa, hay công án trong Thiền tông, có những người tham thiền thấy cây cối hoa cỏ bèn khai ngộ, thấy mưa rơi trên tàu chuối bắt chọt liền khai ngộ. Đó là gì? Nói theo chúng ta hiện nay là Phật đang gia trì. Trong khoảnh khắc ấy, đó là Phật, người ấy có cảm, Phật bèn ứng hiện, khiến cho họ ở trong cảnh giới đó chọt khai ngộ. Không có chuyện nào mà không phải do Phật lực gia trì, Phật lực gia trì chính là tác dụng của tự tánh, là tự tánh khởi tác dụng. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này thì một chút cũng chẳng hoài nghi. Thế nên đối với Phật, dầu Phật hiện thân Phật đến gia trì, chúng ta cũng không sanh tâm hoan hỷ, cũng không bị kích động, hễ bị kích động là sai rồi. Vì sao? A-di-đà Phật là tự tánh Di-đà của bạn, do tự tánh của chính bạn biến hiện, chẳng ở bên ngoài. Thế giới Cực Lạc là duy tâm Tịnh độ, chẳng phải ở bên ngoài. Hoàn toàn là tánh đức, tự tánh lưu lộ. Bạn hiểu đạo lý này thì sẽ vĩnh viễn tâm bình khí hòa, vĩnh viễn là như như bất động. Đại sư Huệ Năng nói rất hay: “Nào ngờ tự tánh, vốn không dao động”, bạn vĩnh viễn giữ được thanh tịnh, bình đẳng, giác, ở trong cảnh giới đừng để cho tâm bạn dấy lên một chút gợn sóng nào, như thế là đúng.

“*Là lời chân thành khen ngợi của mười phương*”, câu này dễ hiểu, lời nói chân thành thì chắc chắn không có nói dối. “*Là hình thức hóa độ vốn có của chúng sanh, Nhất thừa liễu nghĩa, tổng môn của muôn điều thiện*”, những điều này đều đã nói trong phần trước. “*Là cương yếu của một trăm mấy mươi bộ kinh Tịnh độ, là chỉ quy của cả Đại tạng giáo*<sup>1</sup>”, ở đây ngài cũng nói đến cả Đại tạng giáo, xác thực là như vậy. “*Sở dĩ các vị hiền nhân nồng nhiệt khen ngợi kinh này như trên*”, các đại đức xưa nay tán thán bộ kinh này. “*Là vì pháp môn trì danh niệm Phật trong kinh này*”, những câu cuối này rất quan trọng, “*viên mãn*”, quá khó được! Pháp môn nào có thể nói đến mức cứu cánh viên mãn vậy? Viên mãn là gì? Mảy may khiếm khuyết cũng không có, pháp môn này viên mãn. Hoa Nghiêm là viên mãn, Pháp Hoa là viên mãn, nhưng quá dài, không như kinh này, kinh này phân lượng tuy ít như vậy, nhưng viên mãn như Hoa Nghiêm, viên mãn như Pháp Hoa, hiếm có lắm! “*Thẳng chóng*” là gọn gàng dứt khoát. “*Phương tiện*” là pháp môn này phương tiện nhất trong hết thảy các pháp môn, các pháp môn đều gọi là phương tiện, pháp môn này là pháp môn phương tiện nhất trong các phương tiện.

---

<sup>1</sup> Cả Đại tạng giáo (一大藏教: nhất đại tạng giáo), tức ba tạng giáo điển: kinh, luật, luận do đức Phật Thích-ca tuyên nói, là toàn bộ giáo thuyết của Phật giáo.

“*Cứu cánh*” tức là dễ dàng giúp bạn thành Phật thì là cứu cánh; giúp bạn thành Bồ-tát, cũng không tệ, nhưng không cứu cánh; giúp bạn thành A-la-hán, lại càng chẳng cứu cánh. Do vậy, ngày nay chúng tôi dạy bạn, giúp bạn chuyển ác thành thiện, trở thành người tốt, vẫn chưa phải là cứu cánh. Phải thành Phật thì mới là cứu cánh, chưa thành Phật thì chưa cứu cánh, giúp bạn chứng Đẳng giác Bồ-tát như ngài Quán Thế Âm vẫn chưa cứu cánh, vì bạn chưa thành Phật. Pháp môn này giúp chúng ta cứu cánh thành Phật. “*Vừa vượt là vào thẳng [Phật quả], viên đốn tột cùng*”, cực viên cực đốn, “đốn” là vượt khỏi ngay tức khắc.

Dùng phương pháp gì? “*Dùng biển nguyện Nhất thừa của Di-đà, sáu chữ hồng danh nơi quả giác cứu cánh, làm nhân cho tâm của chúng sanh chúng ta*”, ở đây là nói rõ rồi. Hoàng lão nói “vừa vượt là vào thẳng [Phật quả], viên đốn tột cùng” là nói đến gì vậy? Là sáu chữ “Nam-mô A-di-đà Phật”. Đơn giản như thế đó, dễ dàng như vậy đó, sanh ra hiệu quả lớn dường ấy, ai tin tưởng? Vì thế gọi là pháp khó tin. Trong kinh, đức Phật nói: “Chỉ có Phật với Phật mới có thể hiểu tột cùng”, Đẳng giác Bồ-tát đối với pháp môn này giống như nhìn trăng qua một lớp lụa. Đây là lời ví von, giống như chúng ta ngắm trăng, trăng Trung Thu, cách một lớp lụa, lụa là một loại vải rất mịn, lụa đó trong từ lụa là gấm vóc, ngắm trăng qua một lớp lụa, còn cách một tầng, Đẳng giác Bồ-tát đối với pháp môn này giống như ngắm trăng qua một lớp lụa vậy; Phật không có lớp vải lụa này, Đẳng giác Bồ-tát còn bị ngăn cách bởi một lớp vải lụa. Quá sâu, đạo lý quá sâu, thế nhưng sự việc quá đơn giản, chỉ cần sáu chữ bèn thành công. Thật sự làm được sao? Thật sự làm được. Hôm nay cư sĩ Tiểu Ly ở đây, bạn thấy cư sĩ Hoàng Trung Xương làm thí nghiệm xem thử sáu chữ [hồng danh này] có hiệu quả hay không, thí nghiệm xem thử, nghe nói người xưa niệm Phật ba năm có thể vãng sanh, anh ấy bèn thí nghiệm. Anh ấy mới ba mươi mấy tuổi, là một thanh niên rất trẻ, bé quan tại Thâm Quyển, nhờ cư sĩ Tiểu Ly hộ trì, hai năm mười tháng, anh bèn biết trước giờ đi. Là thật, chẳng phải giả, pháp môn này dễ dàng như thế đó!

Trong quá khứ, chúng tôi nghe lão pháp sư Đàm Hư báo cáo, tôi không có duyên phận này, không có phước phận này, chẳng được gặp lão pháp sư, tôi đến Hồng Kông thì ngài đã vãng sanh hai, ba năm rồi. Nhưng tôi nghe từ băng thu âm, ngài giảng khai thị trong Phật thất, có đồng tu đem băng thu âm đến cho tôi nghe. Ngài nói bằng giọng địa phương miền Bắc, tôi nghe không hiểu lắm, tôi nghe liên tục không ngừng 30 lượt, đại khái có thể nghe hiểu chín phần. Cuối cùng, rốt cuộc

tôi tìm được một đồng tu ở phương Bắc, nhờ chép toàn bộ băng thu âm thành văn tự, in ra một cuốn sách nhỏ. Hay, ngài giảng thật hay! Bạn thấy ngài kể chuyện ông thợ vá nôi là đồng tham đạo hữu của ngài, là người quen, ông ấy niệm Phật, niệm một câu A-di-đà Phật. Ông thợ vá nôi không biết chữ, chưa từng đi học, ngoài bốn mươi tuổi mới xuất gia, điều gì cũng không biết, là bạn chơi đùa lúc nhỏ của lão hòa thượng Đế Nhân, cùng ở trong một thôn trang. Ông đến tìm pháp sư Đế Nhân, cuộc sống của ông thật sự quá khổ, thấy pháp sư Đế Nhân làm pháp sư xuất gia cũng rất tốt, rất hâm mộ, bèn muốn theo ngài xuất gia. Lão pháp sư Đế Nhân cũng hết sức từ bi, gặp người bạn chơi đùa thuở nhỏ, bèn nói với ông rằng: “Xuất gia phải học kinh giáo, ông lớn tuổi như thế, lại không biết chữ, xem ra học kinh giáo chẳng thành công”. Khi ấy ở trong chùa, không học kinh giáo thì phải học kinh sám Phật sự, kinh sám Phật sự là ngũ đường công khóa, thấy ông ta đầu óc chậm lụt, ông học cũng chẳng thành công. Có nghĩa là “ông xuất gia làm sao được?” Nhưng người bạn ấy cứ nhất định muốn nương cậy ngài, cuối cùng không có cách nào, ngài bèn nói: “Tôi có điều kiện, ông có thể chấp nhận hay không?” Ông ta nói: “Ngài cứ nói đi, mọi việc tôi đều nghe theo lời ngài”. Với điều kiện như thế, ông nói: được, thế là xuống tóc cho ông. Sau khi xuống tóc, ngài nói: “Ông không cần thọ giới, nghi thức thọ giới thì ông cũng không hiểu, ông cũng chẳng thọ được”. Tại vùng quê Ninh Ba, ngài tìm một ngôi miếu nát, không ai ở, để một mình ông ở nơi đó, dạy ông một câu sáu chữ “Nam-mô A-di-đà Phật”. Ngài dặn dò: “Ông ở nơi đó, niệm một câu này, niệm mệt thì nghỉ, nghỉ ngơi khỏe rồi lại niệm tiếp, sau này chắc chắn lợi lạc”.

Bí quyết thành công của người này chẳng có gì khác là thật thà, nghe lời, thật làm, ông ấy bèn thành công. Bạn thấy ông ấy niệm Phật ba năm thì đứng vắng sanh. Tại vùng quê thuở ấy, giao thông không thuận tiện, có bà cụ ở quê phát hiện: “Sư phụ đã đứng vắng sanh”, quá hiếm lạ, trước nay chưa từng thấy ai đứng mất. Còn có những vị lão cư sĩ niệm Phật, bà báo cho họ đến xem, xem xong phái người sang chùa Quán Tông báo tin, báo với lão hòa thượng Đế Nhân. Lão hòa thượng nghe tin này thì vội vã đến xem, cả đi lẫn về mất ba ngày, là đi bộ. Thấy tình hình này, lão hòa thượng Đế Nhân rất hoan hỷ, ngài tán thán: “Ông xuất gia chẳng uổng công, ông khá lắm, ông mất như thế đó”. Ngài tán thán: “Đại pháp sư giảng kinh thuyết pháp không bằng ông, phương trượng, chủ tịch từng lâm cũng không bằng ông, ông thật sự giỏi lắm!” Niệm một câu sáu chữ “Nam-mô A-di-đà Phật” ba năm, thù thắng biết bao! Đây là chuyện trước mắt, không xa xôi. Trước đó, tôi đã kể với

mọi người một bà cụ tại làng Tướng Quân ở Đài Nam, cũng là niệm Phật ba năm rồi đứng mất. Lời tán thán này chẳng mấy may hư giả chút nào, vấn đề là chúng ta phải thật sự làm thì mới được.

Nhưng trong thời đại hiện nay, bạn phải nhớ, Tịnh tông là Đại thừa, chẳng phải là Tiểu thừa, người Đại thừa phải giúp hết thảy chúng sanh khổ nạn, nhất là trong thời đại hiện nay. Bản thân bạn thành tựu rồi nhưng không có duyên phận giáo hóa chúng sanh, vậy thì bạn có thể làm ra thị hiện này; nếu có duyên phận giáo hóa chúng sanh thì bạn còn phải trụ thêm mấy năm nữa, trụ thêm mấy năm nữa cũng không trở ngại, công phu của bạn đã đến nơi đến chốn rồi, muốn đi lúc nào thì đi lúc ấy. Thế nên, phải nghĩ đến hết thảy chư Phật Như Lai, nhất là nghĩ đến A-di-đà Phật, nguyện vọng của A-di-đà Phật là gì? Phổ độ hết thảy chúng sanh khổ nạn trong mười pháp giới. Chúng ta hiểu ý A-di-đà Phật, chúng ta cũng khiến cho A-di-đà Phật hoan hỷ, mang thêm nhiều người đi, bạn mang thêm càng nhiều càng tốt, đây là chuyện tốt. Vì thế, chớ nên làm kẻ chỉ giải thoát cho riêng mình của Tiểu thừa, tức là vừa thành tựu bèn lập tức ra đi, như vậy không đúng. Vì sao người thợ vá nồi đi ngay lập tức? Ông thợ vá nồi ra đi là có đạo lý, ông ấy thị hiện, đó gọi là tác chứng chuyển. Cư sĩ Hoàng Trung Xương cũng là thị hiện, chứng minh cho người niệm Phật chúng ta. Tôi giảng kinh tại Hồng Kông, chỗ chúng tôi cách nhau rất gần, anh ấy mỗi ngày nghe đĩa giảng của tôi, tôi ở đây là khuyến chuyển, thị chuyển, còn anh ấy ở bên đó là tác chứng chuyển. Chứng minh những điều trong kinh nói không phải giả, mà là sự thật, chắc chắn thành tựu trong một đời. Hơn nữa, trong ba năm ngắn ngủi, bạn liền có thể vượt thoát lục đạo luân hồi, có thể ra khỏi mười pháp giới. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào có thể làm được? Chỉ có pháp môn này! Chúng ta phải nhận thức rõ sự việc này, “viên mãn, thẳng chông, phương tiện, cứu cánh” là thật, một chút cũng không giả. Do vậy, pháp môn này đơn giản nhất, dễ dàng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, đáng tin cậy nhất, lại còn nhanh chóng nhất. Điểm then chốt là bạn có thể buông những thứ linh tinh tạp nhạp trong thế gian này xuống được hay không? Những người không thể vãng sanh, nguyên nhân chính là vì lý do này, bạn vẫn còn tham luyến thế gian này, vẫn muốn tiếp tục luân hồi trong lục đạo, vậy thì hết cách. A-di-đà Phật chẳng thể lôi bạn đi được, bạn luyến tiếc thế gian này thì A-di-đà Phật bèn gạt đầu bỏ đi, đợi lần sau lại đến vậy. Khi nào bạn buông xuống hết thì A-di-đà Phật sẽ đến, chúng ta không thể không biết điều này. Thời gian đã hết rồi mà tôi không thấy. Hôm nay chúng ta học tới đây, cảm ơn mọi người!